

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn xxx, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn xxx, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (anh Nguyễn Văn P) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị U tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Lãng vào ngày 24 tháng 12 năm 2008. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 07 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do chị U không quan tâm đến gia đình, chồng con nên anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhiều lần, chị U bỏ nhà đi do cãi nhau với anh P, anh P đều tìm chị U, hòa giải với chị U để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị U không những

không thay đổi mà còn thách thức anh P dẫn đến tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, rạn nứt. Tháng 6 năm 2020, do cãi nhau với anh P, chị U bỏ nhà đi, thi thoảng có về thăm con nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, anh P yêu cầu được ly hôn chị U. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 11 năm 20xx và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 06 tháng 9 năm 20xx. Khi ly hôn, anh P đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con anh xin tự thỏa thuận, giải quyết với chị U, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị U biết, nhiều lần triệu tập và yêu cầu chị U giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị U không thực hiện.

Xác minh tại gia đình: Bà Vũ Thị C là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị U xác nhận về thời gian kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng chị U, anh P như lời khai của anh P. Tháng 6 năm 2020, do cãi nhau với anh P nên chị U đã về ở với bà C một vài ngày, sau đó chị U chuyển đến sống tại nơi làm việc, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do chị U làm lao động tự do, thường xuyên thay đổi nơi làm việc nên bà C không biết nơi cư trú hiện tại của chị U để cung cấp cho Tòa án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà C nhận thay chị U các tài liệu tố tụng và thông báo ngay cho chị U, đồng thời động viên chị U có mặt theo triệu tập của Tòa án nhưng chị U không thực hiện. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, bà C đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nhận trực tiếp nuôi cả 02 con của anh P.

Tài liệu xác minh tại địa P thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng anh P, chị U là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay xô sát, cãi nhau và đã nhiều lần sống ly thân. Lần cuối là vào tháng 6 năm 2020, do cãi nhau nên chị U đã bỏ nhà đi. Từ đó đến nay, chị U không về chung sống cùng anh P mà chỉ thi thoảng về thăm con. Vì chị U làm nghề lao động tự do, nơi làm việc không ổn định nên gia đình, địa P không biết chính xác địa chỉ nơi làm việc của chị U. Anh chị có 02 con chung như anh P trình bày. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung của anh chị do anh P nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Trường hợp anh P, chị U ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Tòa án nên giao cả 02 con cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (anh P) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn (chị U) vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định

tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/20xx/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 20xx của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, xử cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị U; giao con Nguyễn Duy K và Nguyễn Triệu V cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (chị Nguyễn Thị U) đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn xxx, xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Mặc dù hiện tại chị U không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên nhưng chị U đã biết về việc Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của anh P và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện tại cho Tòa án nên được coi là cố ý giấu địa chỉ. Vì vậy vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (chị U) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho chị U thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc chị U không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Bị đơn (chị U) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị U.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu xác minh tại địa P, thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị U được xác lập do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 24 tháng 12 năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường hay xô sát, cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 6 năm 2020, tình trạng vợ chồng anh P, chị U trở nên trầm trọng; anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh P, chị U đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho anh P được ly hôn chị U.

[5]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 11 năm 20xx và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 06 tháng 9 năm 20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung của anh chị do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn anh P đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh P làm công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con; ngoài ra anh P còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và cháu K có nguyện vọng được ở cùng với bố. Chị U làm nghề lao động tự do, nơi ở không ổn định; quá trình giải quyết vụ án, chị U cũng không có quan điểm về con chung. Như vậy có thể thấy điều kiện trực tiếp nuôi con hiện nay của anh P tốt hơn của chị U. Để đảm bảo tâm lý, sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, xử giao con Nguyễn Duy K và Nguyễn Triệu V cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng cho con: Vì anh P xin tự thỏa thuận với chị U, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên để anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96**, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/20xx/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 20xx của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị U.
2. Về con chung: Giao con Nguyễn Duy K, sinh ngày 18 tháng 11 năm 20xx và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 06 tháng 9 năm 20xx cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh P đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006098 ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, anh P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 2008);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

